TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/HS.ST
Ngày 20/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Nam Hải và bà Trần Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử cơ sở 2- Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Ngô Văn L, 04 tháng 4 năm 1984; tại: phường Đ, thành phố Đà Nẵng; Nơi thường trú: Khối phố B, phường Đ, TP .. Số CCCD: 049084017823, Nơi cấp: Cục C về TTXH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ xây. Tiền án, tiền sự: Không có.

Con ông Ngô Văn H (sinh năm: 1960) và bà Từ Thị L1 (sinh năm: 1960); cùng trú tại khối G, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; có vợ là Trương Thị Xuân L2 (sinh năm: 1987), có 04 con (con lớn nhất sinh năm: 2011, con nhỏ nhất sinh năm: 2020);

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại**:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, đã chết

Đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (là vợ và các con)

- Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1968. CCCD số: 049168016717
Trú tại: Khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng.
- Nguyễn Thị Hiền T1, Sinh năm: 1992. CCCD số: 049192004166
Trú tại: Khối phố P, phường A, thành phố Đà Nẵng.
- Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 2005
Trú tại: Khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn T2, Sinh năm: 1994. CCCD số: 049094013793
Trú tại: Khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Tất cả uỷ quyền cho Nguyễn Văn T2, Sinh năm: 1994 tham gia tố tụng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Xuân V, sinh năm 1986 và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1987, trú tại: Tổ A, khối P, phường A, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1985; Trú tại: K, H, phường H, TP ..
- Bà Trương Thị Xuân L2, sinh năm: 1987;

Trú tại: khối phố B, phường Đ, thành phố Đà Nẵng

- Ông Phạm Xuân T4, sinh năm: 1974; trú tại: thôn H, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.
- Ông Nguyễn Bá N2, sinh năm: 1971; trú tại: khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Lê Thị T5, sinh năm: 1970; trú tại: khối phố T, phường A, thành phố Đà Nẵng
- Ông Trần Văn T6; sinh năm: 1967; trú: Khối G, phường Đ, thành phố Đà Nẵng

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ trước đến nay, Ngô Văn L không có chứng chỉ hành nghề, chuyên môn kỹ thuật hay bất kỳ chứng chỉ, văn bằng gì liên quan đến lĩnh vực xây dựng, an toàn lao động nhưng đến năm 2015, Ngô Văn L bắt đầu nhận thầu xây dựng các công trình dân dụng, nhà cửa.

Vào tháng 5/2025, Ngô Văn L nhận thầu thi công công trình xây dựng nhà ở của vợ chồng ông Lê Xuân V và bà Vũ Thị H1 trên thửa đất 1171 (Lô O), tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khu dân cư S, đô thị Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Giữa Ngô Văn L và ông Lê Xuân V thỏa thuận miệng với nhau về việc Ngô Văn L nhận thầu thi công công trình xây dựng nhà ở cho vợ chồng ông V như sau: ông Vương K cho Ngô Văn L phần thô của ngôi nhà gồm: đổ bê tông, cốt thép, xây, tô, áp gạch và tính tiền theo diện tích nhà sau khi hoàn thiện nhân với số tiền là 1.500.000 đồng/1m^2; ông V chịu trách nhiệm lo vật tư xây dựng, Ngô Văn L chịu trách nhiệm các vấn đề còn lại như: nhân công, thiết bị và kỹ thuật xây dựng, đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công nhà ở; thời hạn thi công bắt đầu từ ngày 08/5/2025 đến cuối tháng 9/2025.

Để thi công công trình nhà ở của vợ chồng ông V, Ngô Văn L thuê các lao động gồm: bà Trương Thị Xuân L2 làm phụ hồ, thợ điều khiển thiết bị tời vật tư, ông Phạm Xuân T4 - thợ xây, ông Nguyễn Bá N2 - thợ xây, bà Lê Thị T5 - phụ hồ, ông Trần Văn T6 - thợ xây và ông Nguyễn Văn T - phụ hồ. Giữa Ngô Văn L và những lao động nêu trên không có ký kết hợp đồng lao động, chỉ thỏa thuận miệng với nhau và trả lương theo ngày công lao động.

Trong quá trình xây dựng, Ngô Văn L đã tự chế thiết bị tời vật tư lên sàn mái tầng 03 của công trình, gồm: 01 khung sắt chữ A có 02 cây sắt tròn đường kính 50cm, dài 03m, hai đầu cây sắt đặt cách nhau 1,3m trên sàn mái tầng 3 và được hàn vào dây sắt Fi 6 được chôn vào khối bê tông sàn trước đó, hai đầu kia chụp lại với nhau thành khung sắt hình chữ A và có gắn ròng rọc, dây kéo ròng rọc có một đầu gắn móc sắt để móc với xe rùa (chở vật tư) đầu kia gắn với mô tơ

quay, có cần điều khiển. Để chịu lực chính cho khung sắt chữ A, Ngô Văn L sử dụng 01 sợi dây sắt Fi 6 có một đầu được chôn vào khối bê tông sàn ở cạnh góc bên trái, phía sau sàn bê tông mái tầng 3 (theo hướng từ trước nhà ra sau) và một đầu cuộn lại tạo thành 01 vòng khép kín. Sau đó, L dùng sợi dây sắt Fi 6 khác dài 4,5m có một đầu tạo thành 01 vòng khép kín kết nối với vòng khép kín của sợi dây sắt Fi 6 chôn ở sàn, đầu kia cuộn lại tạo thành 01 vòng khép kín khác, tiếp đó, L dùng sợi dây sắt Fi 6 dài 2,15m có một đầu cuộn lại tạo thành 01 vòng khép kín móc vào đầu khung sắt chữ A, đầu kia cũng tạo 01 vòng khép kín kết nối với vòng khép kín còn lại của sợi dây sắt sợi dây sắt Fi 6 dài 4,5m. Khung sắt chữ A được lắp đặt theo hướng chếch ra ngoài 01 góc khoảng 45° so với mặt sàn mái tầng 3, khoảng cách từ 02 chân của khung sắt chữ A đo xuống mặt đất là 11,9m. Ngoài ra, trong suốt quá trình thi công công trình, Ngô Văn L không có phương án, kế hoạch hay thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn chống rơi, ngã cho lao động làm việc trên cao.

Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 23/8/2025, Ngô Văn L như thường lệ đi đến công trình xây dựng nhà ở của vợ chồng ông V tại Khu dân cư S, Đô thị Đ, khối phố V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng để làm việc. Trước khi làm việc, Ngô Văn L tiến hành kiểm tra giàn tiếp, gia cố, buộc dây thép níu giữ giàn tiếp với tường nhà phục vụ việc tô tường tầng 3 bên trái ngôi nhà nhưng không kiểm tra mức độ an toàn lao động của thiết bị tời vật tư lên sàn mái tầng 3 cũng như không kiểm tra máy móc và các thiết bị khác. Lúc này, có tổng cộng 07 (bảy) thợ làm việc, cụ thể: 04 (bốn) thợ tô tường ngoài bên trái (theo hướng từ ngoài nhìn vào) gồm: Ngô Văn L, ông Phạm Xuân T4, ông Nguyễn Bá N2, ông Trần Văn T6; 02 (hai) phụ hồ gồm: bà Lê Thị T5, ông Nguyễn Văn T làm trên sàn mái tầng 3; 01 (một) thợ chạy máy tời vật tư ở bên phần đất trống bên phải ngôi nhà (theo hướng từ ngoài nhìn vào) là bà Trương Thị Xuân Lê . Khi mới bắt đầu làm việc, thiết bị tời vật tư lên sàn mái tầng 3 vẫn hoạt động bình thường, đã thực hiện khoảng 07 lần di chuyển vật tư. Đến khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, khi bà Lê B cần điều khiển thiết bị tời để di chuyển 01 xe rùa cát lên sàn mái tầng 3, lúc này, ông T đứng vịn hai tay vào khung sắt chữ A để đợi lấy xe rùa chở cát. Khi xe rùa cho di chuyển lên cao khoảng 03 mét so với mặt đất thì bất ngờ vòng khíp của dây sắt Fi 6 dài 2,15m (vòng khép kín kết nối với vòng khép kín của sợi dây sắt Fi 6 dài 4,5m) bị bung rời, dẫn đến khung sắt chữ A ngã gập về bên trái (theo hướng từ ngoài nhìn vào), hướng xuống đất, làm ông T mất đà ngã từ sàn mái tầng 3 xuống đất. Ngay sau đó, Ngô Văn L cùng ông T4 đưa ông T đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông T tử vong tại bệnh viện.

Tại công văn số 4764/SNV-LĐVL ngày 17/11/2025 của Đoàn điều tra tai nạn lao động thành phố Đà Nẵng xác định vụ tai nạn làm ông Nguyễn Văn T tử vong là tai nạn lao động theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Về lỗi của các bên có liên quan trong vụ tai nạn

Căn cứ hồ sơ liên quan đến vụ tai nạn và đối chiếu với các tài liệu có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động; Đoàn điều tra tai nạn lao động thành phố Đà Nẵng nhận định lỗi của những người liên quan như sau:

“a) Ông Ngô Văn L (người nhận thi công phần thô ngôi nhà):

- Ông Ngô Văn L không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động để ngăn ngừa người lao động bị rơi, ngã khi làm việc trên cao theo quy định tại Mục 2.1.5 và Mục 2.2.1 QCVN 18: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ X.

- Việc ông Ngô Văn L sử dụng thiết bị tự chế để vận chuyển vật liệu lên cao trong thi công xây dựng là không đảm bảo quy định về sử dụng Thiết bị nâng trong thi công xây dựng quy định tại Mục 2.4 QCVN 18: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ X.

Như vậy, ông Ngô Văn L không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

b) Ông Lê Xuân V và bà Vũ Thị H1 (là chủ sở hữu công trình) khi thỏa thuận giao khoán có đề cập công tác an toàn lao động là trách nhiệm của ông Ngô Văn L. Tuy nhiên trong quá trình thi công, chủ sở hữu công trình thực hiện không đầy đủ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

c) Ông Nguyễn Văn T (là người bị nạn) có chủ quan, thiếu thận trọng khi làm trong khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015”. (BL 65 – 70).

Tại Kết luận giám định tử thi số: 921/KL-KTHS, ngày 18/9/2025 của Phòng K1 thành phố Đà Nẵng đối với tử thi Nguyễn Văn T kết luận:

- *Kết quả chính:*

+ Gãy cung trước xương sườn 6, 7 hai bên;

+ Gãy kín 1/3 dưới hai xương cẳng tay trái;

+ Trật khớp cổ tay phải;

+ Kết quả siêu âm trong bản tóm tắt hồ sơ bệnh án: Tràn máu màng phổi trái lượng nhiều;

+ Khám trong: Kiểm tra khoang lồng ngực bên trái có nhiều dịch bọt màu đỏ.

- *Kết luận:*

+ Tử thi Nguyễn Văn T tử vong là do chấn thương ngực kín.

Tại Kết luận giám định số 1694/KL-KTHS ngày 26/9/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Trong mẫu máu ghi thu từ tử thi của ông Nguyễn Văn T không tìm thấy cồn và các chất độc thường gặp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại không ai có khiếu nại gì về kết luận giám định.

Bị cáo Ngô Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng truy tố hành vi của bị cáo là đúng, thống nhất về tội danh và khung hình phạt.

Đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất nội dung bản cáo trạng. Gia đình đã nhận đủ số tiền hỗ trợ bồi

thường và xin bãi nại về dân sự, không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng truy tố bị cáo Ngô Văn L về tội *"Vi phạm quy định về an toàn lao động"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn L phạm tội *"Vi phạm quy định về an toàn lao động"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn L từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

- 02 (hai) thanh sắt rỗng tròn đường kính 05cm, dài 03m;
- 01 (một) thanh sắt có đường kính 0.6cm, dài 4.5m, có hai vòng khép kín (12x3.5)cm và (05x03)cm;
- 01 (một) thanh sắt có đường kính 0.6cm, dài 2.15m, có một vòng khép kín (20x06)cm.

Bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng củaCơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với người liên quan, hiện trường, kết luận giám định và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Khoảng 9 giờ 10 phút ngày 23 tháng 8 năm 2025, trong lúc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Ngô Văn L, ông Nguyễn Văn T làm phụ hồ tại công trình xây dựng nhà ở thuộc khu D, khối phố V, phường Đ, thành phố Đà Nẵng, ông T đứng đợi xe rùa di chuyển lên cao trong tư thế dùng 02 tay vịn vào khung sắt chữ A thì bất ngờ vòng khíp của dây sắt Fi 6 dài 2.15m bị bung rời, làm ông T bị mất đà ngã từ sàn mái tầng 3 xuống đất bị đa chấn thương dẫn đến tử vong.

Bị cáo Ngô Văn L là người quản lý, sử dụng lao động nhưng chưa thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động có

thể xảy ra, không thực hiện các biện pháp an toàn để ngăn ngừa người lao động bị rơi, ngã khi làm việc trên cao. Như vậy, Ngô Văn L không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của:

Ngô Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về an toàn lao động"* quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng truy tố bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp những quy định của Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động và an toàn ở nơi đông người, bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy được ban hành để đảm bảo an toàn. Xâm phạm gián tiếp đến tính mạng của cá nhân người lao động. Do vậy, cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. theo kết luận của Đoàn điều tra tai nạn lao động thành phố Đà Nẵng thì bị hại cũng có một phần lỗi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần áp dụng Điều 65 đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng liên quan đến vụ án không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với hành vi của ông Lê Xuân V và bà Vũ Thị H1 (là chủ sở hữu công trình) khi thỏa thuận giao khoán có đề cập công tác an toàn lao động là trách nhiệm của ông Ngô Văn L. Tuy nhiên trong quá trình thi công, chủ sở hữu công trình không thực hiện đầy đủ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Xét thấy, trong quá trình ông Ngô Văn L thi công công trình nhà ở cho mình, vợ chồng ông Lê Xuân V và bà Vũ Thị H1 có nhắc nhở người lao động cẩn thận, đảm bảo an toàn lao động; mặt khác, ông V và bà H1 là người không có hiểu biết về lĩnh vực xây dựng, lựa chọn nhà thầu theo kinh nghiệm, phong tục, tập quán và đã thỏa thuận việc đảm bảo an toàn cho người lao động là trách nhiệm

của chủ thầu là ông Ngô Văn L. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với ông Lê Xuân V, bà Vũ Thị H1. Tuy nhiên, ông Lê Xuân V đã thuê và để Ngô Văn L là người không đủ điều kiện năng lực thực hiện thi công xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định. Hành vi của ông Lê Xuân V vi phạm điểm đ, khoản 4, Điều 17 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng. Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý hành chính theo quy định pháp luật là phù hợp.

[5] *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Ngô Văn L phạm tội *"Vi phạm quy định về an toàn lao động"*, xử phạt **Ngô Văn L** 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 20/4/2026.

Giao bị cáo Ngô Văn L cho UBND phường Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) thanh sắt rỗng tròn đường kính 05cm, dài 03m;
- 01 (một) thanh sắt có đường kính 0.6cm, dài 4.5m, có hai vòng khép kín (12x3.5)cm và (05x03)cm;
- 01 (một) thanh sắt có đường kính 0.6cm, dài 2.15m, có một vòng khép kín (20x06)cm.

(Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10 - Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2026)

III. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Ngô Văn L phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/4/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 10 - Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Công an phường Điện Bàn Đông, Tp Đà Nẵng
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Tám